

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 116/2018/DS-ST

Ngày: 09-11-2018

V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V. Địa chỉ: phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hữu T, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 02/11/2018), (có mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1988; cư trú tại: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số 2308215 ngày 28/11/2014 (Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kèm giấy yêu cầu bảo hiểm ngày 25/11/2014), Ngân hàng TMCP V (sau đây viết tắt là Ngân hàng) đã cho ông Phạm Quốc T vay số tiền 116.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 9%/năm. Ông T đã nhận nợ theo khế ước nhận

nợ ngày 28/11/2014. Ngoài ra, ngày 01/12/2014, căn cứ vào giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, hợp đồng thẻ tín dụng số 325 – P – 833120, mở ngày 04/12/2014, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng cho ông T với số tiền 30.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số 2308215, ông T chỉ thanh toán nợ gốc với tổng số tiền 19.380.000 đồng, đối với hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-833120, ông T đã sử dụng số tiền nợ gốc tính đến ngày 04/6/2018 là 30.000.000 đồng. Do ông Phạm Quốc T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phía Ngân hàng đã nhắc nhở và tạo điều kiện để ông T thanh toán nhưng ông T vẫn chưa thực hiện. Tính đến ngày 17/4/2018, ông Phạm Quốc T còn nợ Ngân hàng số tiền 215.965.123 đồng. Trong đó, tiền gốc theo hợp đồng tín dụng số 2308215 là 96.620.000 đồng, tiền lãi là 42.827.723 đồng. Tiền gốc theo hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-833120 là 30.000.000 đồng và tiền lãi 46.517.400 đồng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Phạm Quốc T thanh toán tiền nợ gốc và lãi là 215.965.123 đồng và khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 18/4/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Phạm Quốc T nhưng ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Phạm Quốc T thanh toán tổng số tiền là 232.668.118 đồng, trong đó nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 2308215 là 96.620.000 đồng, tiền lãi là 50.291.618 đồng; tiền nợ gốc theo hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-833120 là 30.000.000 đồng và tiền lãi 55.756.500 đồng và khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 10/11/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Bị đơn ông Phạm Quốc T vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố

tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu ông Phạm Quốc T thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 2308215 ngày 28/11/2014 và hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P- 833120, mở ngày 04/12/2014. Bị đơn có nơi cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn ông Phạm Quốc T đã được tổng đạt đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[1.3] Về yêu cầu của đương sự: Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu ông Phạm Quốc T thanh toán tổng số tiền là 232.668.118 đồng, trong đó nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 2308215 là 96.620.000 đồng, tiền lãi là 50.291.618 đồng; tiền nợ gốc theo hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-833120 là 30.000.000 đồng và tiền lãi 55.756.500 đồng và khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 10/11/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy, ngày 28/11/2014, ông Phạm Quốc T xác lập hợp đồng tín dụng số 2308215 với Ngân hàng để vay số tiền 116.000.000 đồng. Ông T đã xác nhận nợ số tiền 116.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ ngày 28/11/2014. Ngày 01/12/2014, căn cứ vào giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, hợp đồng thẻ tín dụng số 325 – P – 833120, mở ngày 04/12/2014, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng cho ông T với số tiền 30.000.000 đồng, ông T đã sử dụng thẻ trên và đã rút tổng số tiền 30.000.000 đồng theo bảng sao kê tài khoản thẻ. Hợp đồng tín dụng số 2308215 ngày 28/11/2014, giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, hợp đồng thẻ tín dụng số 325 – P – 833120, mở ngày 04/12/2014 giữa Ngân hàng và ông Phạm Quốc T thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện theo hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 116.000.000 đồng cho ông T, ông T cũng đã sử dụng thẻ tín dụng và rút tổng số tiền 30.000.000 đồng. Ông T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 19.380.000 đồng và không tiếp tục thanh toán. Do

ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng tín dụng nêu trên là có cơ sở chấp nhận. Ông Phạm Quốc T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 232.668.118 đồng, trong đó nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 2308215 là 96.620.000 đồng, tiền lãi là 50.291.618 đồng; tiền nợ gốc theo hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-833120 là 30.000.000 đồng và tiền lãi 55.756.500 đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/11/2018 theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Từ phân tích trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn ông Phạm Quốc T. Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Phạm Quốc T phải chịu án phí đối với yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận, cụ thể $232.668.118 \text{ đồng} \times 5\% = 11.633.405 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN, ngày 03/2/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Quyết định số 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31/5/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN, ngày 03/2/2005; Quyết định số 16/2008/QĐ-NHNN, ngày 16/5/2008, của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về cơ chế điều hành lãi suất cơ bản đồng Việt Nam;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn ông Phạm Quốc T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Phạm Quốc T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền 232.668.118 đồng (hai trăm ba mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn một trăm mười tám đồng), trong đó:

Tổng nợ gốc: 146.911.618 đồng;

Tổng nợ lãi: 85.756.500 đồng.

Tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/11/2018 được tính theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết giữa ông Phạm Quốc T và Ngân hàng TMCP V cho đến khi ông Phạm Quốc T thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Quốc T phải nộp số tiền 11.633.405 đồng (mười một triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm lẻ năm đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 5.399.000 đồng (năm triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0021972 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thảo